TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ T** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2022/HS-ST
Ngày: 31-5-2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thảo

Ông Nguyễn Quốc Dũng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Bá T1 - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 64/2022/TLST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2022/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2022/HSST-QĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2022/HSST-QĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Lê Đức Tr, sinh năm 2000, tại tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú: Ấp V, xã T, huyện S, tỉnh An G; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn G, sinh năm 1964 và bà Thạch Thị N, sinh năm 1966; tiền án, tiền sự; Không; nhân thân: Ngày 09/7/2020, bị Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 16 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma T2y tại Quyết định số 55/QĐ-TA; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 03/4/2021 đến nay; có mặt.

2. Nguyễn Thanh N, sinh năm 1997, tại tỉnh Cà Mau; nơi đăng ký thường trú: Ấp C, xã Q, huyện D, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Nguyễn Hồng Anh, sinh năm 1952 và bà Trần Thị Q, sinh năm 1954; có vợ là Lý Thị T, sinh năm 1999; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 23/10/2021 đến nay; có mặt.

- *Bị hại*: Ông Bạch Quốc Th, sinh năm 1991; địa chỉ: thôn 6A, xã B, huyện

M, tỉnh Bình Phước; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Lê Văn G, sinh năm 1964; địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện S, tỉnh An Giang; có mặt.

2. Bà Thạch Thị N, năm 1966; địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện S, tỉnh An G; có mặt.

3. Bà Lý Thị T, sinh năm 1999; địa chỉ: Khu phố 5, phường N, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

4. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1995; địa chỉ: Nhà trọ T, khu phố 1, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

5. Ông Ngô Văn L, sinh năm 1998; địa chỉ: Nhà trọ T, khu phố 1, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Văn T2, ông Nguyễn Hoàng T3 đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thanh N, Lê Đức Tr, Thạch Ngọc Q, Bạch Quốc Th, Nguyễn Văn T1, Ngô Văn L và Nguyễn Hoàng T3 có mối quan hệ là bạn với nhau. Nguyễn Văn T2 là bạn của T1 và Th.

Khoảng 21 giờ ngày 29/02/2020, N, Tr, Q, Th, L, T1, T3 và T2 tổ chức uống bia tại quán ốc không tên trong khu vực chợ Q3 thuộc khu phố 1, phường H, thị xã T. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, cả nhóm nghỉ uống bia và Th rủ cả nhóm tiếp tục đến quán Karaoke B thuộc khu phố 1, phường H, thị xã T để hát karaoke và tiếp tục uống bia thì tất cả đồng ý. Đến khoảng 23 giờ 45 phút, cả nhóm nghỉ hát và gọi tính tiền. Nhân viên quán karaoke đưa hóa đơn với tổng số tiền là 1.900.000 đồng. Th nói hóa đơn tính tiền cao rồi cự cãi với nhân viên của quán và không trả tiền. Lúc này, Tr và Q can ngăn, Th lớn tiếng mắng Q, Tr và N. Thấy vậy, T1 đề nghị để lại xe mô tô biển số 94K1 – 312.63 và Chứng minh nhân dân của T1 xin hôm sau sẽ mang tiền đến trả thì nhân viên quán karaoke đồng ý. Sau đó, T1 rủ cả nhóm quay lại quán ốc mà nhóm đã uống bia ban đầu để tiếp tục uống bia thì tất cả đồng ý.

N điều khiển xe mô tô biển số 67M1-476.03 chở Tr ra trước cổng quán karaoke B rồi dừng xe tại cổng để chờ mọi người lấy xe. Do bực tức vì T3 độ của Th lúc tính tiền hát karaoke nên Tr nói với N "Thằng đó nói bao hát mà giờ không trả tiền, lát tìm chỗ nào vắng đập nó" thì N đồng ý. Lúc này, Q đứng phía sau xe của Tr và N để chờ L lấy xe thì nghe N và Tr bàn bạc với nhau đánh Th thì Q không nói gì nhưng cũng có ý định sẽ tham gia đánh Th.

Sau đó, Th điều khiển xe mô tô biển số 93H1- 296.51 chở T1 và T2 chạy trước, N khiển xe mô tô biển số 67M1-476.03 chở Tr, L điều khiển xe mô tô biển số 65 H1 – 348.28 chở Q, T3 điều khiển xe mô tô biển số 66P2 – 089.41 chạy một mình đến quán ốc. Khi còn cách quán ốc khoảng 50 mét, N thấy T1 và T2 đã xuống xe đi bộ vào quán ốc còn Th vẫn ngồi trên xe mô tô biển số 93H1 – 296.51 dừng trước quán ốc. Lúc này, N nói với Tr "Chạy lên đánh nó luôn" thì Tr trả lời "Ừ". Khi đó, N điều khiển xe áp sát vào xe của Th rồi Tr dùng chân đạp vào xe mô tô của Th làm Th mất thăng bằng, xe mô tô nghiêng về phía bên phải. Tr liền xuống khỏi xe, tháo nón bảo hiểm đang đội trên đầu rồi đánh mạnh 02 cái vào nón bảo hiểm đang đội trên đầu của Th theo hướng từ trên xuống dưới, từ phải qua trái làm cả 02 cái nón bảo hiểm bị nứt. Khi đó, N cũng xuống xe và cầm nón bảo hiểm đánh 01 cái vào nón bảo hiểm đang đội trên đầu của Th làm Th và xe ngã về hướng bên phải sát lề đường. Th đứng dậy rồi bước lùi về phía trong quán ốc. Lúc này, N tiếp tục chạy đến đứng đối diện với Th và dùng nón bảo hiểm đánh theo hướng thẳng từ trên xuống dưới trúng vào vùng đầu của Th gây thương tích, còn Tr vứt nón bảo hiểm xuống rồi dùng tay đánh Th. Lúc này, L điều khiển xe mô tô biển số 65 H1 – 348.28 chở Q chạy đến cách vị trí của Th khoảng 30 mét. Khi thấy N và Tr đang đánh Th, Q nhảy xuống khỏi xe rồi chạy đến cầm nón bảo hiểm đánh 03 cái trúng vào vùng lưng của Th, 01 cái vào vùng cổ của Th. Thấy vậy T2, T1 và L chạy đến can ngăn thì N, Q và Tr bỏ đi. T1 đưa Th về nhà và sau đó được mọi người đưa đến Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương cấp cứu và điều trị thương tích.

Ngày 04/3/2021, bà Trần Thị H là vợ của ông Th đến Công an phường H, thị xã T trình báo sự việc và nộp đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự. Quá trình điều tra đã thu giữ vật chứng gồm:

- 01 áo thun màu trắng tay ngắn có dính máu.

- 01 nón bảo hiểm màu đỏ có vết nứt bể, trên nón có chữ Honda Yamaha Hoàng Thịnh Phát.

- 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn T1.

- 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Đức Tr.

- 01 nón bảo hiểm màu tím.

- 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Ngô Văn L.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 194/2000/GĐPY ngày 14/5/2020 của T1 tâm Pháp y – Sở Y tế tỉnh Bình Dương xác định: Ông Bạch Quốc Th có thương tích: Vết thương T3 dương phải 0,5cm nằm trên liền với vết mổ hình vòng cung T3 dương – đỉnh – trán phải 34 x 0,4cm sẹo lành. Máu tụ dưới màng cứng bán cầu não phải + dập não T3 dương phải + tụ khí nội sọ, đã phẫu thuật lấy máu tụ và mô não dập. Hiện tại khuyết sọ vùng T3 dương phải kích thước 14 x 11,5cm, đáy phập phồng. Tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 46%.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Tr cùng với cha mẹ là ông Lê Văn G và bà Thạch Thị N đã bồi thường cho bị hại số tiền 8.000.000 đồng. Bị cáo N và vợ là bà Lý Thị T đã bồi thường cho bị hại 3.000.000 đồng. Ông Bạch Quốc Th yêu cầu các bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền 200.000.000 đồng gồm chi phí điều trị thương tích, tổn thất tinh thần và ngày công lao động bị mất, chi phí chăm sóc do bị hại phải nằm bệnh viện điều trị thương tích. Các bị cáo chưa bồi thường.

Đối với Thạch Ngọc Q có hành vi cùng Lê Đức Tr, Nguyễn Thanh N dùng nón bảo hiểm đánh ông Bạch Quốc Th gây thương tích, ngày 07/02/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T ra Quyết định khởi tố bị can số 123 và Lệnh bắt bị can để tạm giam số 47 đối với Q nhưng không thành. Kết quả điều tra, xác minh đến nay chưa xác định được Q đang ở đâu. Ngày 24/02/2022, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T ra Quyết định tách vụ án hình sự số 10, Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự đối với bị can, Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can và Quyết định truy nã bị can đối với Q, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Tại bản Cáo trạng số 77/CT-VKS ngày 08/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T quyết định: Truy tố các bị cáo Lê Đức Tr và Nguyễn Thanh N về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát. Các bị cáo chỉ vì mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống mà dùng nón bảo hiểm là hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị hại tỉ lệ tổn thương cơ thể là 46%. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn cố ý thực hiện. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo Tr là người khởi xướng, rủ rê và là người thực hành; còn bị cáo N thực hiện tội phạm với vai trò thực hành. Bị cáo Tr có nhân thân xấu, đã bị Tòa án áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 và điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Tr từ 07 năm đến 08 năm tù và xử phạt bị cáo N từ 06 năm 06 tháng đến 07 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích".

Tại phiên tòa, bị hại ông Bạch Quốc Th xác định bị cáo Tr và gia đình đã bồi thường 8.000.000 đồng, bị cáo N và vợ đã bồi thường 3.000.000 đồng. Ông Th yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường số tiền 150.000.000 đồng là chi phí điều trị thương tích, tổn thất tinh thần, ngày công lao động bị mất và chi phí chăm sóc (quá trình điều tra ông Th yêu cầu bồi thường 200.000.000 đồng nay tự nguyện giảm còn 150.000.000 đồng); đồng thời yêu cầu Tòa án xử lý trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo theo quy định của pháp luật. Bị cáo Tr và bị cáo N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, đồng ý liên đới bồi thường theo yêu cầu của bị hại. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà N, ông G xác định số tiền 8.000.000 đồng là tiền của bị cáo Tr và của vợ chồng ông bà, vợ chồng ông bà cho bị cáo Tr để bồi thường cho bị hại, không có yêu cầu bị cáo hoàn trả. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

đến vụ án bà T xác định số tiền 3.000.000 đồng đã bồi thường cho bị hại là tiền của bị cáo N, bà thay mặt bị cáo giao tiền hỗ trợ cho bị hại và không có yêu cầu gì khác.

Các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không trình bày ý kiến tranh luận.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, ăn năn hối cải, xin lỗi bị hại và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an thị xã T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Đối với Thạch Ngọc Q đã có hành vi cùng các bị cáo gây thương tích cho bị hại nhưng đã bỏ trốn, không xác định được đang ở đâu. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy nã, tạm đình chỉ điều tra và tách vụ án ra giải quyết là đúng quy định pháp luật.

[3] Tại phiên tòa, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời trình bày của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và phù hợp với các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Ngày 29/02/2020, tại quán ốc thuộc chợ Q3, khu phố 1, phường H, thị xã T, các bị cáo Lê Đức Tr, Nguyễn Thanh N cùng với Thạch Ngọc Q đã có hành vi dùng nón bảo hiểm gây thương tích cho bị hại ông Bạch Quốc Th, tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 46%. Các bị cáo chỉ vì mâu thuẫn nhỏ mà dùng nón bảo hiểm là hung khí nguy hiểm đánh vào đầu của bị hại (bị hại đang đội nón bảo hiểm) gây thương tích, thể hiện tính chất côn đồ trong hành vi. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nên đủ yếu tố cấu thành tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T truy tố các bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự xã hội. Các bị cáo là người có đủ năng L chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì giải quyết mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống mà các bị cáo đã thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, cần một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, cách ly các bị cáo khỏi cộng đồng xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét toàn diện

tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, vai trò đồng phạm của từng bị cáo để có hình phạt phù hợp.

[5] Xét vai trò đồng phạm trong vụ án: Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc, thống nhất và phân công nhiệm vụ cụ thể. Trong đó, bị cáo Tr là người khởi xướng, rủ rê và là người thực hành tích cực, chủ động đánh bị hại trước; bị cáo N là đồng phạm với vai trò thực hành tích cực cùng với bị cáo Tr dùng nón bảo hiểm đánh vào đầu bị hại gây thương tích. Do đó, bị cáo Tr có vai trò cao hơn bị cáo N.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8] Về nhân thân: Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Tr và gia đình đã bồi thường cho bị hại 8.000.000 đồng, bị cáo N đã bồi thường cho bị hại 3.000.000 đồng. Quá trình điều tra, bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm 200.000.000 đồng chi phí điều trị thương tích, tổn thất tinh thần, ngày công lao động bị mất và chi phí chăm sóc nhưng tại phiên tòa bị hại tự nguyện thay đổi mức bồi thường yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường 150.000.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu của bị hại là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 590 Bộ luật Dân sự và các bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại nên Hội đồng xét xử ghi nhận và buộc các bị cáo thực hiện. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Đối với 01 áo thun màu trắng tay ngắn có dính máu và nón bảo hiểm màu đỏ có vết nứt bể, trên có dòng chữ Honda Yamaha Hoàng Thịnh Phát của bị hại không còn giá trị sử dụng, bị hại không yêu cầu nhận lại nên tịch thu tiêu hủy; đối với nón bảo hiểm của bị cáo Tr là công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng cần tiêu hủy; đối với giấy chứng minh nhân của bị cáo Tr và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Nguyễn Văn T1 và ông Ngô Văn L là giấy tờ tùy thân không liên quan tội phạm nên hoàn trả lại.

[11] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, mức hình phạt, trách nhiệm dân sự và biện pháp xử lý vật chứng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo phạm tội bị kết án và phải bồi thường trách nhiệm dân sự nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Lê Đức Tr và bị cáo Nguyễn Thanh N phạm tội "Cố ý gây thương tích".

1. Về trách nhiệm hình sự:

1.1 Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Đức Tr 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/4/2021.

1.2. Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh N 06 (Sáu) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/10/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 590 Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo Lê Đức Tr và bị cáo Nguyễn Thanh N liên đới bồi thường cho bị hại ông Bạch Quốc Th số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Tố tụng dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự và Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự

- Tịch thu tiêu hủy đối với: 01 (Một) áo thun trắng tay ngắn, có dính máu; 01 (Một) nón bảo hiểm màu đỏ có vết nứt bể, có chữ "Honda – Yamaha, Hoàng Thịnh Phát"; 01 (Một) nón bảo hiểm màu tím bị bể dọc làm đôi, có chữ "Siêu thị xe máy TH MIỀN TÂY".

- Hoàn trả 01 (Một) chứng minh nhân dân tên Lê Đức Tr cho bị cáo Lê Đức Tr.

- Hoàn trả 01 (Một) chứng minh nhân dân tên Nguyễn Văn T1 cho ông Nguyễn Văn T1 và 01 (Một) chứng minh nhân dân tên Ngô Văn L cho ông Ngô Văn L.

4. Về án phí:

Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Đức Tr và bị cáo Nguyễn Thanh N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Lê Đức Tr và bị cáo Nguyễn Thanh N liên đới chịu 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương; (1)
- VKSND tỉnh Bình Dương; (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương; (1)
- PV06 - Công an tỉnh Bình Dương; (1)
- VKSND thị xã T; (1)
- Công an thị xã T; (3)
- CCTHADS Tx.Tân Uyên; (1)
- Bị cáo; (2)
- Người tham gia tố tụng; (5)
- Lưu: VT, HS. (2)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Quỳnh Nga